

UBND THÀNH PHỐ NHA TRANG
HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
DỰ ÁN: MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG CÁC THÀNH PHỐ DUYN HẢI
TIỂU DỰ ÁN NHA TRANG – ĐỢT 10 (08 TRƯỜNG HỢP/ 09 THỬA)**

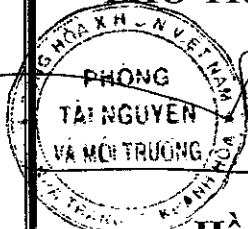
Địa bàn: phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang

(Kèm Quyết định số: 2631/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của UBND thành phố Nha Trang)

Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt: 1.206.078.000 đồng

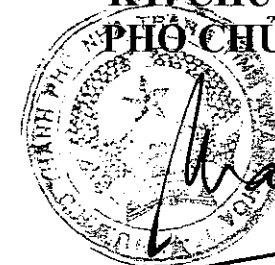
(Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm lẻ sáu triệu, không trăm bảy mươi tám nghìn đồng)

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
Phòng Tài nguyên và Môi trường
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



[Handwritten signature]
Hồ Thị Hải

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Phan Thanh Liêm

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
DỰ ÁN: MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG CÁC THÀNH PHỐ DUUYÊN HẢI - TIỂU DỰ ÁN NHA TRANG

A - Các căn cứ pháp lý để lập phương án:

1 - Các văn bản liên quan đến chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định, quy định chi tiết thi hành Luật Đất Đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định, quy định chi tiết thi hành Luật Đất Đai;
- Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành quy định về bảng giá đất ổn định định kỳ 5 năm 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc quy định Bảng giá xây dựng mới các loại công trình, vật kiến trúc và chi phí đền bù, hỗ trợ một số công trình trên đất tại địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v Quy định về bồi thường, hỗ trợ đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ viễn thông, truyền hình, điện, nước sinh hoạt khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Văn bản số 2483/STC-QLG ngày 01/7/2022 của Sở Tài chính về việc Giá gạo để tính hỗ trợ, ổn định đời sống và ổn định sản xuất;

2- Các văn bản liên quan đến dự án:

- Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;
- Thông báo số 785/TB-UBND ngày 25/7/2017 của UBND thành phố Nha Trang Về việc điều chỉnh nội dung tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang, thành phố Nha Trang;
- Thông báo số 470/TB-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi đất tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án Nha Trang;
- Thông báo số 279/TB-UBND ngày 09/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang về việc điều chỉnh một số nội dung tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Nha Trang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án Nha Trang, thành phố Nha Trang và Thông báo số 470/TB-UBND ngày 13/3/2019 của UBND Nha Trang về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi đất tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án Nha Trang;

- Thông báo số 1014/TB-UBND ngày 22/6/2021 của UBND thành phố Nha Trang về việc điều chỉnh vị trí, ranh giới, diện tích đối với hạng mục: Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang, thành phố Nha Trang) và điều chỉnh vị trí, ranh giới đối với 02 hạng mục Đường Chữ Đồng Tử - Mương và Kè phía Bắc Sông Cái (tại Thông báo số 279/TB-UBND ngày 09/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang về việc điều chỉnh một số nội dung tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Nha Trang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án Nha Trang, thành phố Nha Trang và Thông báo số 470/TB-UBND ngày 13/3/2019 của UBND Nha Trang về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi đất tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án Nha Trang);
- Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của UBND thành phố Nha Trang về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang;
- Quyết định số 75/QĐ-HĐBT ngày 08/4/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang V/v kiện toàn Tổ công tác giúp việc Hội đồng BT, HT, TĐC dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang;
- Thông báo số 209/TB-HĐBT ngày 30/6/2017 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang V/v kiểm kê xác định khối lượng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang thuộc các xã, phường: Vĩnh Ngọc, Vĩnh Phước, Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang;
- Thông báo số 45/TB-TTPTQĐ-PT ngày 10/7/2018 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa về việc chuyển nhượng, thu hồi đối với phần diện tích đất còn lại sau giải tỏa không đủ điều kiện xây dựng nhà ở theo quy định đối với các trường hợp giải tỏa thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang;
- Thông báo số 30/TB-TTPTQĐ-PT ngày 23/9/2021 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa về việc chuyển nhượng, thu hồi đối với phần diện tích đất còn lại sau giải tỏa không đủ điều kiện xây dựng nhà ở theo quy định đối với các trường hợp giải tỏa thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang;
- Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt giá đất cụ thể tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang.
- Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 10/01/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện BT, HT, TĐC dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang.
- Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt một số nội dung về BT, HT, TĐC khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Nha Trang để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang và dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngọc Hiệp.
- Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung tại Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v phê duyệt một số nội dung về BT, HT, TĐC khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Nha Trang để thực hiện dự án Môi trường bền vững
- Văn bản số 2915/QLĐT-QH ngày 24/8/2018 của Phòng Quản lý Đô thị về việc xác định mốc thời điểm quy hoạch dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang.
- Văn bản số 3732/UBND ngày 15/5/2019 của UBND Tp Nha Trang về việc mốc thời điểm xét bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường Bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang.
- Thông báo số 109/TB-HĐBT ngày 07/5/2019 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang V/v đo đạc, kê khai, kiểm đếm xác định khối lượng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang thuộc các xã,
- Tiêu chí bố trí tái định cư số 99/HĐBT ngày 17/5/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang
- Biên bản họp Hội đồng BT, HT, TĐC dự án ngày 28/7/2022; ngày 20/7/2022
- Thông báo số 172/TB-HĐBT ngày 05/8/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang V/v niêm yết phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang
- Biên bản niêm yết ngày 08/8/2022
- Biên bản kết thúc niêm yết ngày 29/8/2022

- Biên bản họp đối thoại ngày 29/8/2022

- Văn bản về việc thẩm định phương án BT, HT, TĐC thuộc dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang, Tp. Nha Trang của phòng Tài nguyên và Môi trường.

B- Bồi thường hỗ trợ

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
01	<p>Ông Trần Trích Bà Lê Thị Thuỳên</p> <p>- Địa chỉ thường trú: 67 Glasop st, Yagoona, NSW 2199</p> <p>- Địa chỉ thửa đất giải tỏa: 35/6 Ngõ Đền, P. Vĩnh Phước, Tp Nha Trang.</p>	<p>-- Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 913/XN-UBND ngày 30/6/2022 (điều chỉnh và bổ sung GXN số 126/XN-UBND ngày 04/6/2020 và số 320/XN-UBND ngày 25/6/2021) của UBND phường Vĩnh Phước xác nhận:</p> <p>Thửa số 83 + 84 – Mảnh trích đo địa chính số 48-2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 22/4/2021, tương ứng thửa số 09 Tờ BĐDC số 25 và thửa số 71 tờ BĐDC số 26, của phường Vĩnh Phước</p> <p>- Nguồn gốc đất: Đất do ông Trần Trích khai hoang vào thời điểm năm 1969 và sử dụng ổn định với diện tích 579,0m². Sau đó, ông Trích tiếp tục khai hoang thêm 01 phần diện tích đất vào thời điểm trước năm 1993. Tổng diện tích thửa đất sau khi khai hoang vào thời điểm trước năm 1993 là 1.011,7m² (diện tích theo bản đồ năm 1996). Thửa đất này không thuộc quỹ đất công, đất do nhà nước quản lý.</p> <p>Sau đó vào năm 2006, UBND thành phố Nha Trang cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số H08033 ngày 28/02/2006 cho ông Trần Trích và bà Lê Thị Thuỳên với diện tích 600,3m²; loại đất: ODT Phần diện tích chưa được cấp Giấy chứng nhận còn lại, ông Trích vẫn tiếp tục sử dụng ổn định như khuôn viên hiện nay. Ông Trích đã làm Giấy xác nhận lý do đất đòi ra so với hồ sơ sang nhượng (có xác nhận của UBND phường Vĩnh Phước ngày 11/8/2005) và Giấy xác nhận ranh giới khuôn viên thửa đất (có xác nhận của các hộ liền kề và UBND phường Vĩnh Phước ngày 04/5/2008) đối với phần diện tích này.</p> <p>- Thời điểm sử dụng đất: Trước năm 1993 - Thời điểm xây dựng vật kiến trúc: Tháng 02/2006 (Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số H08033 ngày 28/02/2006) - Tổng diện tích đất đang sử dụng: 1.015,4m² - Khuôn viên, ranh giới thửa đất: Đông giáp: Nhà dân; Tây giáp: Sông Nam giáp: Nhà dân; Bắc giáp: Thửa 79, 80, 81, 82 và đường đi - Loại đất: Đất ở tại đô thị + Đất trồng cây lâu năm</p>	<p>I/ Về đất:</p> <p>- Tổng diện tích (Thửa số 83 + 84): m² 1.015,40 + DT đất giải tỏa: m² 96,90 + DT đất còn lại: m² 918,50 - Diện tích (Thửa số 83): m² 38,90 + DT đất giải tỏa: m² 25,60 + DT đất còn lại: m² 13,30 - Tổng diện tích (Thửa số 84): m² 976,50 + DT đất giải tỏa: m² 71,30 + DT đất còn lại: m² 905,20</p> <p>a/ Bồi thường về đất:</p> <p>** Căn cứ pháp lý áp dụng: + Khoản 4, Điều 82, Luật Đất Đai năm 2013</p> <p>- Diện tích đất không bồi thường: m² 96,90 <i>Không bồi thường vì không thuộc đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp</i></p> <p>b/ Hỗ trợ về đất:</p> <p>** Căn cứ pháp lý áp dụng: + Điểm 8a, Khoản 4, Điều 1 QĐ 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/03/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; + QĐ số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p> <p>- Hỗ trợ theo đơn giá đất trồng cây lâu năm m² 96,90 480.000 90% 41.860.800</p> <p><i>Áp giá các thửa đất tiếp giáp đường Ngõ Đền (đoạn từ đường 2/4 đến hết chùa Hải Ân và hết xưởng đóng tàu Composit) - vị trí 5. Đơn giá: 480.000đ/m²</i></p> <p>II/ Tài sản gắn liền với đất:</p> <p>1- Công trình, vật kiến trúc: + Ngày khóa sổ: (TB thu hồi đất: 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Tp Nha Trang);</p> <p>** Hỗ trợ theo: + Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; + Tiêu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/TTg-QHQT ngày 22/6/2016; + Mục 1.4, khoản I, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư. + Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p>						41.860.800			
									74.056.870			
									64.876.870			

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tòa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN		
		<p>* Quá trình sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> Những thay đổi về diện tích đất, khuôn viên, ranh giới thửa đất: Có Những thay đổi về loại đất: Không. <p>* Hộ gia đình không thuộc diện trực tiếp sản xuất nông nghiệp, không có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp.</p> <p>* Tình hình tranh chấp đối với thửa đất: Hiện nay, không có đơn thư tranh chấp, khiếu nại.</p> <p>* Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> Diện tích đất theo giấy tờ (bản đồ năm 1996): 1.011,7m²; Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 1.015,4m²; Diện tích đất chênh lệch tăng: 3,7m²; Nguồn gốc tăng: Do sai số đo đạc <p>* Trường hợp địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Địa chỉ thửa đất theo giấy tờ: 15 Tổ 4, Tháp Bà, Vĩnh Phước, Nha Trang. Địa chỉ thửa đất đang sử dụng: Tổ 8 Tháp Bà, Vĩnh Phước, Nha Trang <p>Thực tế hai địa chỉ nêu trên là cùng một thửa đất.</p> <p>* Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giấy chứng nhận QSDĐ số H02233 do UBND thành phố Nha Trang cấp ngày 28/2/2006 Giấy xác nhận ranh giới khuôn viên đất ngày 04/8/2005 (có xác nhận của UBND phường Vĩnh Phước) Giấy xác nhận lý do đất đổi ra so với hồ sơ sang nhượng ngày 11/8/2005 (có xác nhận của UBND phường Vĩnh Phước) Hợp đồng ủy quyền giữa ông Trần Trích và ông Trần Hữu Giàu ngày 22/02/2021. Sổ hộ khẩu gia đình số 22916 ông Trần Hữu Giàu làm chủ hộ. Gồm 4 nhân khẩu. Thường trú 116C Cù Lao Trung, Nha Trang, Khánh Hòa. Biên bản kiểm kê khối lượng giải tòa Bản tự kê khai. Biên bản họp Hội đồng ngày 28/7/2022 (STT 08) Biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 22/6/2021 - Thửa đất tiếp giáp đường Ngô Đền (đoạn từ đường 2/4 đến hết chùa Hải Ân và hết xướng đóng tàu 	<ul style="list-style-type: none"> Bể chứa nước xây gạch DT: (2,0m x 1,3m x 0,8m) = 2,080m³ (Áp giá PL1, STT B27, ĐG: 2.245.198đ/m³) Tường xây gạch hỗ trợ cao 1,5 kết hợp lưới B40 cao 0,5m móng 7 lớp đá chẻ dài 28,1m + Tường xây gạch hỗ trợ cao 1,5 kết hợp lưới B40 cao 0,5m móng 2 lớp đá chẻ, dài 28,1m (Áp giá PL1, STT B10, ĐG: 1.700.431đ/md) + Móng 5 lớp đá chẻ DT: (0,2m x 1,0m x 28,1m) = 5,620m³ (Áp giá PL1, STT B30, ĐG: 2.210.809đ/m³) <p>2 - Tài sản khác: Không có</p> <p>3- Cây trồng: Áp dụng QĐ số 2179/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p> <ul style="list-style-type: none"> Dừa xiêm loại A: 7 cây Ôi loại A: 2 cây Bàng loại C: 1 cây Sung loại C: 1 cây <p>III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản: Không bồi thường theo Điều 14 QĐ 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p> <p>IV/ Chính sách hỗ trợ:</p> <p>1 - Hỗ trợ ổn định đời sống:</p> <p>2 - Hỗ trợ tiền thuê nhà:</p> <p>3 - Hỗ trợ di chuyển:</p> <p>* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:</p> <p>V/ Phần khen thưởng Căn cứ Khoản 1 Điều 35 QĐ số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p> <ul style="list-style-type: none"> Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định. Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng đồng viên ba (03) triệu đồng/hộ <p>* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và khen thưởng: (I+II+III+IV+V)</p> <p>VI. Tái định cư</p>	m ³	2,080	2.245.198		100%	4.670.012				
				md	28,10	1.700.431		100%	47.782.111				
				m ³	5,620	2.210.809		100%	12.424.747				
									9.180.000				
				Cây	7	1.230.000			8.610.000				
				Cây	2	210.000			420.000				
				Cây	1	60.000			60.000				
				Cây	1	90.000			90.000				
									0				
									0				
									Không hỗ trợ theo quy định tại Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa				
									115.917.670				
									11.000.000				
				hộ	1	8.000.000			8.000.000				
				hộ	1	3.000.000			3.000.000				
									126.917.670				

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
		Composit) dưới 2,0m tương ứng vị trí 5. - Thông báo niêm yết số 172/TB-HĐBT ngày 05/8/2022 của Hội đồng BT, HT, TĐC - Biên bản niêm yết ngày 08/8/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 29/8/2022 - Biên bản họp đối thoại ngày 29/08/2022	<i>Hộ gia đình không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo quy định.</i>								

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
02	Bà Võ Thị Đông - Địa chỉ thường trú: Tổ 1 Tháp Bà, P. Vĩnh Phước, Tp. Nha Trang - Địa chỉ thửa đất giải tỏa: 01 Ngõ Đền, P. Vĩnh Phước Tp. Nha Trang	** Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 880/XN-UBND ngày 24/6/2022 (điều chỉnh và bổ sung GXN số 966/XN-UBND ngày 19/10/2020 và số 407/XN-UBND ngày 23/3/2022) của UBND phường Vĩnh Phước xác nhận: <i>Thửa số 69 – Mảnh trích đo địa chính số 48-2021 (bản vẽ được đo đạc chỉnh lý theo bản trích đo địa chính số 48-2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 22/4/2021) do Trung tâm Phát triển quỹ đất Khánh Hòa đo vẽ ngày 16/7/2021 tương ứng thửa số 301 tờ BĐ địa chính số 26 (tương ứng thửa số 301 tờ BĐ chỉnh lý số 26), Vĩnh Phước</i> * Nguồn gốc đất: Đất trước đây do Lê Thân và bà Võ Thị Đông khai hoang từ trước năm 1962 với diện tích 607,6m ² và được UBND tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà và Quyền sử dụng đất ở số 110/2001 ngày 05/7/2001 với diện tích 435,51m ² (Tổng diện tích thửa đất thực tế sử dụng là 607,6m ² , trong đó: phần được công nhận quyền sử dụng đất là 435,51m ² và phần lưu không là 172,09m ²). Sau đó, ông Thân và bà Đông chuyển nhượng cho bà Trần Thị Ngồn 153,1m ² , ông Võ Văn Vang 143,0m ² và tặng cho con gái là bà Lê Thị Kim Yến 78,2m ² . Phần diện tích còn lại sau khi chuyển nhượng được UBND TP Nha Trang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00357/22333 ngày 15/10/2010 cho bà Võ Thị Đông với diện tích 177,4m ² (Tổng diện tích: 229,8m ² ; trong đó: phần được công nhận quyền sử dụng đất là 177,4m ² và phần thuộc quy hoạch giao thông không được công nhận quyền sử dụng đất là 52,4m ²); loại đất: ODT. Sau đó, bà Đông tặng cho ông Lê Trúc Ân một phần thửa đất với diện tích được công nhận quyền sử dụng đất là 106,2m ² theo hồ sơ số 008299TC.001 có xác nhận của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Nha Trang. Diện tích còn lại của bà Võ Thị Đông sau khi tặng cho ông Lê Trúc Ân là 71,2m ² (Tổng diện tích: 92,2m ² ; trong đó: phần được công nhận quyền sử dụng đất là 71,2m ² và phần thuộc quy hoạch giao thông không được công nhận quyền sử dụng đất là 21,0m ²) - Thời điểm sử dụng đất: Tháng 10/2010	I/ Về đất: - Tổng diện tích (Thửa số 69): m ² 92,20 + DT đất giải tỏa: m ² 21,10 + DT đất còn lại: m ² 71,10 a/ Bồi thường về đất: ** Căn cứ pháp lý áp dụng: + Khoản 1, Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; + Khoản 4, Điều 82, Luật đất đai năm 2013; - Diện tích đất được bồi thường: m ² 0,10 <i>Căn cứ Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa.</i> - Bồi thường đất ở: m ² 0,10 9.600.000 100% 1.392.000 <i>(Áp giá thửa đất tiếp giáp đường Ngõ Đền (đoạn từ đường 2/4 đến hết chùa Hải Ân và hết xường đóng tàu Composit) - vị trí 1. Đơn giá: 9.600.000đ/m².</i> - Diện tích đất không bồi thường: m ² 21,00 <i>Không bồi thường vì đất quy hoạch giao thông không công nhận QSDĐ</i> b/ Hỗ trợ về đất: ** Căn cứ pháp lý áp dụng: + Điểm 8a, Khoản 4, Điều 1 QĐ 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/03/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; + QĐ số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; - Hỗ trợ theo đơn giá đất trồng cây lâu năm m ² 21,00 2.460.000 90% 46.494.000 <i>Áp giá các thửa đất tiếp giáp đường Ngõ Đền (đoạn từ đường 2/4 đến hết chùa Hải Ân và hết xường đóng tàu Composit) - vị trí 1. Đơn giá: 2.460.000đ/m²</i> II/ Tài sản gắn liền với đất: 1- Công trình, vật kiến trúc: + Ngày khóa số: (TB thu hồi đất: 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Tp Nha Trang); ** Hỗ trợ theo: + Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; + Tiêu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/TTg-QHQT ngày 22/6/2016; + Mục 1.4, khoản I, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư.							47.886.000		
									7.122.954			
									7.122.954			

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
		<p>- Thời điểm xây dựng nhà, vật kiến trúc: Tháng 10/2010 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00357/22333 ngày 15/10/2010)</p> <p>- Tình trạng nhà đất: Hộ gia đình ăn ở, sinh hoạt ổn định tại thửa đất giải tỏa.</p> <p>- Tổng diện tích đất đang sử dụng: 92,2m²</p> <p>- Khuôn viên, ranh giới thửa đất: Đông giáp: Đường đi, Tây giáp: Hộ dân Nam giáp: Thửa 70; Bắc giáp: Thửa 68</p> <p>- Loại đất: Đất ở tại đô thị.</p> <p>* Quá trình sử dụng đất, nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất: - Những thay đổi về diện tích đất, khuôn viên, ranh giới thửa đất: Có - Những thay đổi về loại đất: Không</p> <p>* Hộ gia đình không thuộc diện trực tiếp sản xuất nông nghiệp, không có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp.</p> <p>* Tình hình tranh chấp đối với thửa đất: Hiện nay, không có đơn thư tranh chấp, khiếu nại.</p> <p>* Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng. - Diện tích đất theo giấy tờ: 71,2m² - Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 92,2m² - Diện tích đất chênh lệch tăng/giảm: 21,0m² - Nguồn gốc tăng/giảm: Thuộc quy hoạch giao thông phải thu hồi đất không được công nhận quyền sử dụng đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00357/22333 ngày 15/10/2010</p> <p>* Trường hợp địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ: - Địa chỉ thửa đất trên giấy tờ: Số 01 Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang. - Địa chỉ thửa đất thực tế: 01 Ngõ Đền, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang. - Địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng, địa chỉ thửa đất theo giấy tờ là cùng một địa chỉ thửa đất.</p> <p>* Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên: - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00357/22333 do UBND TP Nha Trang cấp ngày 15/10/2010 cho bà Võ Thị Đông.</p>	<p>+ Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa:</p> <p>- Sân lán XM (có bê tông lót), DT = 20,88m² (Áp giá PL1, STT B17, ĐG: 168.630đ/m²)</p> <p>- Tường rào xây gạch cao 0,5m kết hợp lưới B40 cao 1,2m cọc sắt dài 2,19m, móng 03 lớp đá chẻ</p> <p>+ Tường rào xây gạch cao 0,5m kết hợp lưới B40 cao 1,2m cọc sắt dài 2,19m, móng 02 lớp đá chẻ (Áp giá PL1, STT B10, ĐG: 1.700.431đ/md, đơn giá giảm 8,5% vì tường xây gạch cao 0,5m) 1.700.431đ/md x (100% - 8,5%) = 1.555.894đ/md</p> <p>+ Móng 01 lớp đá chẻ: 0,2m x 0,2m x 2,19m = 0,088m³ (Áp giá PL1, STT B30, ĐG: 2.210.809đ/m³)</p> <p>2 - Tài sản khác: Không có</p> <p>3 - Cây trồng: Không có</p> <p>III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản: Không bồi thường theo Điều 14 QĐ 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa</p> <p>IV/ Chính sách hỗ trợ:</p> <p>1 - Hỗ trợ ổn định đời sống: Không hỗ trợ theo quy định tại Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa</p> <p>2 - Hỗ trợ tiền thuê nhà và di chuyển:</p> <p>3 - Hỗ trợ kinh phí chính lý biến động do thu hồi đất một phần (chi trả cho cơ quan thực hiện chính lý biến động về đất đai):</p> <p>Áp dụng Điểm 4, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa (Mức thu phí, lệ phí theo văn bản số 4216/CNNT ngày 07/4/2020 của VPĐKĐĐ Khánh Hòa chi nhánh Nha Trang. Mục 5b - Khu vực các phường, đơn giá: 240.000đ/hs)</p> <p>* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (I+II+III+IV)</p> <p>V/ Phần khen thưởng Căn cứ Khoản 1 Điều 35 QĐ số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p> <p>- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định.</p>	m ²	20,88	168.630	100%	3.520.994					
				md	2,19	1.555.894	100%	3.407.409					
				m ³	0,088	2.210.809	100%	194.551					
									0				
									0				
									240.000				
				hồ sơ	1	240.000	100%	240.000					
									55.248.954				
									8.524.895				
				hộ	1	5.524.895		5.524.895					

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn	Khối	Đơn giá	Mức	Mức	THÀNH	TỔNG TIỀN	KỶ NHẬN	
				vị	lượng	(đồng)	BT	HT	TIỀN	(đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
		<ul style="list-style-type: none"> - Số hộ khẩu số 32267 do bà Võ Thị Đông đứng tên chủ hộ do Công an TP Nha Trang cấp ngày 01/11/1997 thường trú tại Tổ 1, Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang; số nhân khẩu hiện có: 03; ngày chuyển đến: 20/10/1976. - Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet băng thông rộng tháng 10/2015 tên ông Lê Phúc Hậu. - Hồ sơ sao lục Giấy chứng nhận Quyền sử hữu nhà và Quyền sử dụng đất ở số 110/2001 ngày 05/7/2001 - Hồ sơ sao lục Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00357/22333 cấp ngày 15/10/2010 - Biên bản họp Hội đồng ngày 28/7/2022 (STT 09) - Biên bản xác định độ rộng hèm ngày 22/6/2021 - Thửa đất tiếp giáp đường Ngô Đền (đoạn từ đường 2/4 đến hết chùa Hải Ân và hết xương đóng tàu Composit) từ 7,1m đến dưới 9,0m tương ứng vị trí 1. - Thông báo niêm yết số 172/TB-HĐBT ngày 05/8/2022 của Hội đồng BT, HT, TĐC - Biên bản niêm yết ngày 08/8/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 29/8/2022 - Biên bản họp đối thoại ngày 29/08/2022 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng đồng viên ba (03) triệu đồng/hộ 	hộ	1	3.000.000				3.000.000		
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và khen thưởng : (I+II+III+IV+V)								63.773.850	
			VI. Tái định cư									
			<i>Hộ gia đình không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo quy định.</i>									

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
03	Ông Lê Trúc Ân - Địa chỉ thường trú: Tổ 1 Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, Tp. Nha Trang - Địa chỉ thửa đất giải tỏa: 01 Ngõ Đèn, phường Vĩnh Phước, Tp. Nha Trang	<p>** Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 879/XN-UBND ngày 24/6/2022 (điều chỉnh và bổ sung GXN số 967/XN-UBND ngày 19-10-2020 và số 406/XN-UBND ngày 23-3-2022) của UBND phường Vĩnh Phước xác nhận:</p> <p><i>Thửa số 70 - Mảnh trích đo địa chính số 48-2021 (bản vẽ được đo đạc chính lý theo bản trích đo địa chính số 48-2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 22/4/2021) do Trung tâm Phát triển quỹ đất Khánh Hòa do vẽ ngày 16/7/2021, tương ứng thửa số 302 tờ bản đồ địa chính số 26 (tương ứng thửa số 302 tờ BĐ chính lý số 26), phường Vĩnh Phước.</i></p> <p>* Nguồn gốc đất: Đất trước đây do Lê Thân và bà Võ Thị Đông khai hoang từ trước năm 1962 với diện tích 607,6m² và được UBND tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà và Quyền sử dụng đất ở số 110/2001 ngày 05/7/2001 với diện tích 435,51m² (Tổng diện tích thửa đất thực tế sử dụng là 607,6m², trong đó: phần được công nhận quyền sử dụng đất là 435,51m² và phần lưu không là 172,09m²). Sau đó, ông Thân và bà Đông chuyển nhượng cho bà Trần Thị Ngõn, ông Võ Văn Vang và tặng cho con gái là bà Lê Thị Kim Yến. Phần diện tích còn lại sau khi chuyển nhượng được UBND TP. Nha Trang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00357/22333 ngày 15/10/2010 cho bà Võ Thị Đông với diện tích 177,4m² (Tổng diện tích: 229,8m²; trong đó: phần được công nhận quyền sử dụng đất là 177,4m² và phần thuộc quy hoạch giao thông không được công nhận quyền sử dụng đất là 52,4m²); loại đất: ODT. Sau đó, bà Đông tặng cho ông Lê Trúc Ân một phần thửa đất với diện tích được công nhận quyền sử dụng đất là 106,2m² theo hồ sơ số 008299TC.001 có xác nhận của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Nha Trang. Ngày 02/6/2016, UBND TP. Nha Trang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02707/22333 cho ông Lê Trúc Ân với diện tích 106,2m² (Tổng diện tích: 137,6m²; trong đó: phần được công nhận quyền sử dụng đất là 106,2m² và phần thuộc quy hoạch giao thông không được công nhận quyền sử dụng đất là 31,4m²); loại đất: ODT. - Thời điểm sử dụng đất: Tháng 6/2016 - Thời điểm xây dựng nhà, vật kiến trúc: Tháng 6/2016 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02707/22333 ngày 02/6/2016) - Tình trạng nhà đất: Hộ gia đình ăn ở, sinh hoạt ổn định tại thửa đất giải tỏa. - Tổng diện tích đất đang sử dụng: 137,6m² - Khuôn viên, ranh giới thửa đất:</p>	<p>I/ Về đất:</p> <p>- Tổng diện tích (Thửa số 70): m² 137,60 + DT đất giải tỏa: m² 31,30 + DT đất còn lại: m² 106,30</p> <p>a/ Bồi thường về đất:</p> <p>** Căn cứ pháp lý áp dụng: + Khoản 4, Điều 82, Luật đất đai năm 2013;</p> <p>- Diện tích đất không bồi thường: m² 31,30 <i>Không bồi thường vì thuộc quy hoạch giao thông không công nhận QSDĐ</i></p> <p>b/ Hỗ trợ về đất:</p> <p>** Căn cứ pháp lý áp dụng: + Điểm 8a, Khoản 4, Điều 1 QĐ 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/03/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; + QĐ số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p> <p>- Hỗ trợ theo đơn giá đất trồng cây lâu năm m² 31,30 5.280.000 90% 148.737.600</p> <p><i>Áp giá các thửa đất tiếp giáp Đường 2/4 (đoạn từ Nam cầu Hà Ra đến Hòn Chông và Chung cư Vĩnh Phước) - vị trí 1. Đơn giá: 5.280.000đ/m².</i></p> <p>II/ Tài sản gắn liền với đất:</p> <p>1- Công trình, vật kiến trúc:</p> <p>+ Ngày khởi số: (TB thu hồi đất: 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND TP. Nha Trang);</p> <p>** Hỗ trợ theo: + Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; + Tiêu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/TTg-QHQT ngày 22/6/2016; + Mục 1.4, khoản I, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư. + <i>Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</i></p> <p>- Nhà một tầng, tường gạch xây dày 100, tường quét sơn nước, nền XM, cửa nhôm cuốn, mái lợp tole, không trần, kết cấu không hoàn chỉnh, có hệ thống điện nước. DTXD = 40,12m²XD; DTGT = 18,94m²XD <i>(Áp giá PL1, STT A4, ĐG: 3.058.385đ/m²XD. Đơn giá tăng 14% vì tường sơn nước)</i> 3.058.385đ/m²XD + (3.058.385đ/m²XD x 14%) = 3.486.559đ/m²XD</p> <p>- Sân xi măng có BT lót (trước nhà vệ sinh): m² 8,62 168.630 100% 1.453.591 <i>(Áp giá PL1, STT B17, ĐG: 168.630đ/m²)</i></p> <p>2 - Tài sản khác: Không có 0</p>									

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tòa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
		<p>Đông giáp: Đường đi; Tây giáp: Hộ dân Nam giáp: Thửa 71; Bắc giáp: Thửa 69</p> <p>- Loại đất: Đất ở tại đô thị.</p> <p>* Quá trình sử dụng đất, nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất:</p> <p>- Những thay đổi về diện tích đất, khuôn viên, ranh giới thửa đất: Có</p> <p>- Những thay đổi về loại đất: Không</p> <p>* Hộ gia đình không thuộc diện trực tiếp sản xuất nông nghiệp, không có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp.</p> <p>* Tình hình tranh chấp đối với thửa đất: Hiện nay, không có đơn thư tranh chấp, khiếu nại.</p> <p>* Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng.</p> <p>- Diện tích đất theo giấy tờ: 137,6m²</p> <p>- Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 137,6m²</p> <p>- Diện tích đất chênh lệch tăng/giảm: 0,0m²</p> <p>* Trường hợp địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ:</p> <p>- Địa chỉ thửa đất trên giấy tờ: Tô 1 Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang.</p> <p>- Địa chỉ thửa đất thực tế: 01 Ngõ Đền, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang.</p> <p>* Địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng, địa chỉ thửa đất theo giấy tờ là cùng một địa chỉ thửa đất.</p> <p>* Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên:</p> <p>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02707/22333 do UBND TP Nha Trang cấp ngày 02/6/2016 cho ông Lê Trúc Ân.</p> <p>- Sổ hộ khẩu số 32267 do bà Võ Thị Đông đứng tên chủ hộ do Công an TP Nha Trang cấp ngày 01/11/1997 thường trú tại Tô 1 Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang; số nhân khẩu hiện có: 03; ngày chuyển đến: 20/10/1976.</p> <p>- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet băng thông rộng tháng 10/2015 tên ông Lê Phúc Hậu.</p> <p>- Hồ sơ sao lục Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02707/22333 cấp ngày 02/6/2016</p> <p>- Biên bản họp Hội đồng ngày 28/7/2022 (STT 10)</p> <p>- Biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 22/6/2021 - Thửa đất tiếp giáp đường 2/4 (đoạn từ Nam cầu Hà Ra đến Hòn Chông và Chung cư Vĩnh Phước) từ 7,1m đến dưới 9,0m tương ứng vị trí 1.</p> <p>- Thông báo niêm yết số 172/TB-HĐBT ngày 05/8/2022 của Hội đồng BT, HT, TĐC</p> <p>- Biên bản niêm yết ngày 08/8/2022</p> <p>- Biên bản kết thúc niêm yết ngày 29/8/2022</p> <p>- Biên bản họp đối thoại ngày 29/08/2022</p>	<p>3 - Cây trồng: Không có</p> <p>III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản: Không bồi thường theo Điều 14 QĐ 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa</p> <p>IV/ Chính sách hỗ trợ:</p> <p>1 - Hỗ trợ ổn định đời sống: Không hỗ trợ theo quy định tại Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa</p> <p>2 - Hỗ trợ tiền thuê nhà và di chuyển:</p> <p>3 - Hỗ trợ kinh phí chính lý biến động do thu hồi đất một phần (chi trả cho cơ quan thực hiện chính lý biến động về đất đai): hồ sơ</p> <p>Áp dụng Điều 4, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa (Mức thu phí, lệ phí theo văn bản số 4216/CNNT ngày 07/4/2020 của VPEKĐĐ Khánh Hòa chi nhánh Nha Trang. Mục 5b - Khu vực các phường, đơn giá: 240.000đ/hs)</p> <p>* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (I+II+III+IV)</p> <p>V/ Phần khen thưởng Căn cứ Khoản 1, Điều 35, Quyết định 10/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa:</p> <p>- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chi chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định.</p> <p>- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thường trên còn được thưởng động viên ba (03) triệu đồng/hộ</p> <p>* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng (I+II+III+IV+V):</p> <p>VI. Tái định cư Hộ gia đình không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo quy định.</p>							0		
										240.000		
											240.000	
					1	240.000		100%	240.000			
										216.466.616		
										11.000.000		
				hộ	1	8.000.000			8.000.000			
				hộ	1	3.000.000			3.000.000			
										227.466.616		

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
04	<p>Ông Võ Tấn Phi Long Bà Võ Thị Thúy Vân (Đồng quyền sở hữu)</p> <p>- Địa chỉ thường trú: 35/9 Ngô Đền Tổ 8 Tháp Bà, P. Vĩnh Phước, Tp Nha Trang</p> <p>- Địa chỉ thửa đất giải tỏa: 35/9 Ngô Đền Tổ 8 Tháp Bà, P. Vĩnh Phước, Tp Nha Trang</p>	<p>** Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 827/XN-UBND ngày 21/6/2022 (điều chỉnh và bổ sung Giấy xác nhận số 121/XN-UBND ngày 04/6/2020 và xác nhận số 263/XN-UBND ngày 26/5/2021) của UBND phường Vĩnh Phước xác nhận:</p> <p><i>Thửa số 46 – Mảnh trích đo địa chính số 48-2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 22/4/2021, tương ứng thửa số 36 Tờ bản đồ địa chính số 26, phường Vĩnh Phước.</i></p> <p>- Về nguồn gốc đất: Đất do vợ chồng ông Đặng Văn Đạt và bà Nguyễn Thị Kim Hoa sử dụng từ trước năm 1990 với diện tích 56,0m2. Đến năm 2006, vợ chồng ông Đạt chuyển nhượng lại toàn bộ thửa đất cho vợ chồng ông Võ Văn Bán và bà Dương Thị Minh. Sau đó vào năm 2007, vợ chồng ông Bán chuyển nhượng lại vợ chồng ông Võ Văn Vui và bà Ngô Thị Rậm toàn bộ diện tích 56,0m2. Thửa đất này không thuộc quỹ đất công, đất do nhà nước quản lý.</p> <p>Năm 2018, ông Võ Văn Vui và bà Ngô Thị Rậm được UBND thành phố Nha Trang cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03522 ngày 13/6/2018. Ngày 11/9/2018, bà Rậm và các con là bà Võ Thị Thúy Nga, Võ Tấn Phi Long, Võ Thị Thúy Vân lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, theo đó ông Võ Tấn Phi Long và bà Võ Thị Thúy Vân cùng được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu và định đoạt đối với thửa đất trên. Ngày 02/10/2018, ông Võ Tấn Phi Long và bà Võ Thị Thúy Vân được UBND thành phố Nha Trang cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03631 với diện tích 43,2m2 (Tổng DT đất: 55,7m2; trong đó có: 43,2m2 được công nhận QSDĐ và 12,5m2 không được cấp GCN do đã có Thông báo thu hồi đất)</p> <p>- Thời điểm sử dụng đất: Được công nhận Quyền sử dụng đất tại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03631 ngày 02/10/2018.</p> <p>- Thời điểm xây dựng nhà, vật kiến trúc: Được</p>	<p>I/ Về đất:</p> <p>- Tổng diện tích (Thửa 46): m² 56,00</p> <p>+ DT đất giải tỏa: m² 9,20</p> <p>+ DT đất còn lại: m² 46,80</p> <p>a/ Bồi thường về đất:</p> <p>** Căn cứ pháp lý áp dụng: + Khoản 4, Điều 82, Luật đất đai năm 2013;</p> <p>- Diện tích đất không bồi thường: m² 9,20 <i>Không bồi thường vì không thuộc đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp</i></p> <p>b/ Hỗ trợ về đất:</p> <p>** Căn cứ pháp lý áp dụng: + Điểm 8a, Khoản 4, Điều 1 QĐ 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/03/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; + QĐ số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p> <p>- Hỗ trợ theo đơn giá đất trồng cây lâu năm m² 9,20 1.260.000 90% 10.432.800</p> <p><i>Áp giá các thửa đất tiếp giáp đường Ngô Đền (đoạn từ đường 2/4 đến hết chùa Hải An và hết xưởng đóng tàu Composit) - vị trí 3. Đơn giá: 1.260.000đ/m²</i></p> <p>II/ Tài sản gắn liền với đất:</p> <p>1- Công trình, vật kiến trúc:</p> <p>+ Ngày khóa số: (TB thu hồi đất: 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Tp Nha Trang);</p> <p>** Bồi thường, hỗ trợ theo: + Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; + Tiêu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/TTg-QHQT ngày 22/6/2016; + Mục 1.4, khoản 1, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư.</p> <p>+ Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p>	<p>10.432.800</p> <p>45.796.800</p> <p>45.796.800</p>							

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
		<p>công nhận Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03631 ngày 02/10/2018.</p> <p>- Tình trạng nhà đất: Hộ gia đình ăn ở, sinh hoạt ổn định tại thửa đất giải tỏa.</p> <p>- Tổng diện tích đất đang sử dụng: 56,0m²</p> <p>- Khuôn viên, ranh giới thửa đất: Đông giáp: Thửa 47; Tây giáp: Đường đi Nam giáp: Nhà dân; Bắc giáp: Đường đi</p> <p>- Loại đất: Đất ở tại đô thị</p> <p>*Quá trình sử dụng đất, nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất:</p> <p>- Những thay đổi về diện tích đất, khuôn viên, ranh giới thửa đất: Có</p> <p>- Những thay đổi về loại đất: Có.</p> <p>*Hộ gia đình không thuộc diện trực tiếp sản xuất nông nghiệp, không có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp</p> <p>*Tình hình tranh chấp đối với thửa đất: Hiện nay, không có đơn thư tranh chấp, khiếu nại.</p> <p>*Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng.</p> <p>- Diện tích đất theo giấy tờ: 55,7m²</p> <p>- Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 56,0m²</p> <p>- Diện tích đất chênh lệch tăng: 0,3m²</p> <p>- Nguồn gốc tăng: do sai số đo đạc</p> <p>*Trường hợp địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ: Không.</p> <p>*Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên:</p> <p>- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03631 ngày 02/10/2018 tên ông Võ Tấn Phi Long và bà Võ Thị Thủy Vân (đồng sở hữu).</p> <p>- Hồ sơ sao lục Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tên ông Võ Tấn Phi Long và bà Võ Thị Thủy Vân</p> <p>- Hồ sơ sao lục Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tên ông Võ Văn Vui và bà Ngô Thị Rậm</p> <p>- Sổ hộ khẩu số 19257 do CA TP Nha Trang cấp ngày 01/11/1997 do ông Võ Văn Vui đứng tên chủ hộ thường trú tại 35/9 Ngô Đền, Tổ 8, Tháp Bà, Vĩnh Phước, Nha Trang; số nhân khẩu: 08.</p> <p>- Hợp đồng hòa thuận cam kết v/v mua nhà đất giữa ông Võ Văn Bản và ông Võ Văn Vui ngày 28/5/2007.</p>	<p>- Nhà 2 tầng, tường chịu lực, nền lát gạch men, cửa gỗ sắt kính, sàn gỗ, mái lợp tole, trần nhựa, tường sơn nước, mặt tiền có sử dụng kết cấu BTCT và ốp lát trang trí, hệ vệ sinh hoàn chỉnh, có hệ thống điện nước. DTXD: 52,6m²; DTGT: 6,1m²; DTCL: 46,8m² <i>Áp giá PL1, STT A12, ĐG: 4.338.125đ/m² XD. Đơn giá điều chỉnh với hệ số 1,14 vì tường sơn nước.</i> 4.338.125đ/m² XD x 1,14 = 4.945.463đ/m² XD</p> <p>- Cổng trụ xây gạch, cánh thép tấm + hình DT: (1,75m x 1,7m) = 2,98m² <i>Áp giá PL1, STT B13, ĐG: 3.155.839đ/m²</i></p> <p>- Tường xây gạch bó trụ, cao 1,3m, kết hợp hoa song sắt cao 0,3m, móng 4 lớp đá chẻ, dài (2,3m + 0,5m + 0,5m)</p> <p>+ Tường xây gạch bó trụ, cao 1,3m, kết hợp hoa song sắt cao 0,3m, móng 2 lớp đá chẻ, dài (2,3m + 0,5m + 0,5m)</p> <p><i>(Áp giá PL1, STT B10, ĐG: 1.700.431đ/md, giảm 8,5% vì tường gạch cao 1,3m và song sắt cao 0,3m)</i> 1.700.431đ/md - (1.700.431đ/md x 8,5%) = 1.555.894đ/md</p> <p>+ Móng xây đá chẻ (2 lớp): (3,3m x 0,4m x 0,2m) = 0,264m³ <i>(Áp giá PL1, STT B30, ĐG: 2.210.809đ/m³)</i></p> <p>- Sân xi măng có bê tông lót. DT: 3,1m² <i>(Áp giá PL1, STT B17, ĐG: 168.630đ/m²)</i></p>	m ² XD	6,10	4.945.463		100%	30.167.321			
				m ²	2,98	3.155.839		100%	9.388.621			
				md	3,30	1.555.894		100%	5.134.451			
				m ³	0,264	2.210.809		100%	583.654			
				m ²	3,10	168.630		100%	522.753			
			2 - Tài sản khác:							0		
			Không có									
			3 - Cây trồng:							0		
			Không có									
			III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản: Không bồi thường theo Điều 14 QĐ 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;							0		
			IV/ Chính sách hỗ trợ:							240.000		
			1- Hỗ trợ ổn định đời sống:									
			2- Hỗ trợ tiền thuê nhà:									
			3- Hỗ trợ di chuyển:									
			4 - Hỗ trợ kinh phí chính lý biến động do thu hồi đất một phần (chi trả cho cơ quan thực hiện chính lý biến động về đất đai):							240.000		

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tòa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
		<ul style="list-style-type: none"> - Biên lai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tháng 6/2015 tên ông Võ Văn Vui - Phiếu thu tiền dịch vụ VTCab năm 2017 tên ông Võ Tấn Phi Long. - Biên nhận thanh toán tiền điện tháng 8/2017 tên ông Võ Văn Vui. - Biên nhận thanh toán FPT Telecom tháng 8/2017 tên bà Nguyễn Thanh Thảo. - Biên nhận thanh toán VNPT tháng 7/2017 tên ông Võ Tấn Phi Long. - Giấy biên nhận tiền nước tháng 8/2017 tên ông Võ Văn Vui. - Biên bản kiểm kê khối lượng giải tòa ngày 22/8/2017. - Biên bản bỏ sung khối lượng giải tòa ngày 04/7/2018 - Bản tự kê khai. - Hồ sơ kỹ thuật thửa đất. - Biên bản họp Hội đồng ngày 28/7/2022 (STT 11) - Biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 22/6/2021 - Thửa đất tiếp giáp đường Ngô Đến (đoạn từ đường 2/4 đến hết chùa Hải Ân và hết xường đóng tàu Composit) từ 3,5m đến dưới 6,0m tương ứng vị trí 3. - Thông báo niêm yết số 172/TB-HĐBT ngày 05/8/2022 của Hội đồng BT, HT, TĐC - Biên bản niêm yết ngày 08/8/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 29/8/2022 - Biên bản họp đối thoại ngày 29/08/2022 	<p><i>Áp dụng Điểm 4, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa</i></p> <p><i>(Mức thu phí, lệ phí theo văn bản số 4216/CNNT ngày 07/4/2020 của VPĐKĐĐ Khánh Hòa chi nhánh Nha Trang. Mục 5b - Khu vực các phường, đơn giá: 240.000d/hs)</i></p> <p>* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (I+II+III+IV)</p> <p>V/ Phần khen thưởng</p> <p><i>Căn cứ Khoản 1, Điều 35, Quyết định 10/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa:</i></p> <p>- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định.</p> <p>- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng động viên ba (03) triệu đồng/hộ</p> <p>* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và khen thưởng: (I+II+III+IV+V)</p> <p>VI. Tái định cư</p> <p><i>Hộ gia đình không đủ điều kiện bố trí đất tái định cư theo quy định.</i></p>	hồ sơ	1	240.000		100%	240.000			
									56.469.600			
									8.646.960			
				hộ	1	5.646.960			5.646.960			
				hộ	1	3.000.000			3.000.000			
										65.116.560		

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
05	<p>Ông Nguyễn Đình Hòa Bà Võ Thị Thanh Lam</p> <p>- Địa chỉ thường trú: Tổ 1 Tháp Bà, P. Vĩnh Phước, Tp Nha Trang.</p> <p>- Địa chỉ thửa đất giải tỏa: 35/5 Ngô Đền, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang</p>	<p>** Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 07/XN-UBND ngày 03/5/2019 và xác nhận số 1375/XN-UBND ngày 31/12/2021 của UBND phường Vĩnh Phước xác nhận:</p> <p><i>Thửa số 48 – Mảnh trích đo địa chính số 48-2021 (bản vẽ được đo đạc chính lý theo bản trích đo địa chính số 48-2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 22/4/2021) do Trung tâm Phát triển quỹ đất Khánh Hòa đo vẽ ngày 16/7/2021 tương ứng thửa số 37 Tờ BĐ địa chính số 26, Vĩnh Phước.</i></p> <p>* Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Nha Trang cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02815 ngày 08/09/2016 cho ông Nguyễn Đình Hòa và bà Võ Thị Thanh Lan với diện tích là 61,8m² (trong đó: ODT: 50,3m², CLN: 11,5m²). Diện tích đất bị thu hồi thuộc trong phần đất được cấp trong giấy chứng nhận.</p> <p>- Thời điểm sử dụng đất: theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02815 ngày 08/09/2016.</p> <p>- Thời điểm xây dựng nhà: Tháng 7/2009 (theo Đơn xin xác nhận có nhà ở được UBND phường Vĩnh Phước xác nhận ngày 15/7/2009)</p> <p>- Tổng diện tích đất đang sử dụng: 61,7m²</p> <p>- Loại đất: Đất ở tại đô thị + Đất trồng cây lâu năm.</p> <p>* Quá trình sử dụng đất:</p> <p>- Những thay đổi về diện tích đất, khuôn viên, ranh giới thửa đất: Có.</p> <p>- Những thay đổi về loại đất: Không.</p> <p>- Tình trạng nhà đất: Hộ gia đình ăn ở sinh hoạt ổn định trên thửa đất giải tỏa.</p> <p>* Tình hình tranh chấp đối với thửa đất: Hiện nay, không có đơn thư tranh chấp, khiếu nại.</p> <p>* Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng.</p> <p>- Diện tích đất theo giấy tờ: 61,8m²;</p> <p>- Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 61,7m²;</p> <p>- Diện tích đất chênh lệch giảm: 0,1m²;</p> <p>- Nguồn gốc chênh lệch giảm: do sai số đo đạc</p> <p>* Trường hợp địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ:</p>	<p>I/ Về đất:</p> <p>- Tổng diện tích (Thửa số 48): m² 61,70</p> <p>+ DT đất giải tỏa: m² 11,50</p> <p>+ DT đất còn lại: m² 50,20</p> <p>** Căn cứ pháp lý áp dụng:</p> <p>+ Khoản 1, Điều 75 Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>+ QĐ số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p> <p>- Diện tích đất được bồi thường: m² 11,50</p> <p>+ Bồi thường đất trồng cây lâu năm: m² 11,50 1.260.000 100% 14.490.000</p> <p><i>(Áp giá các thửa đất tiếp đường Ngô Đền (đoạn từ đường 2/4 đến hết chùa Hải Ấn và hết xưởng đóng tàu Composit) - vị trí 3. Đơn giá: 1.260.000.000đ/m²)</i></p> <p>II/ Tài sản gắn liền với đất:</p> <p>1- Công trình, vật kiến trúc:</p> <p>+ Ngày khóa số: (TB thu hồi đất: 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Tp Nha Trang);</p> <p>** Bồi thường, hỗ trợ theo:</p> <p>+ Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p> <p>+ Tiêu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/TTg-QHQT ngày 22/6/2016;</p> <p>+ Mục 1.4, khoản I, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư.</p> <p>+ Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p> <p>- Nhà bốn tầng, khung cột sàn mái BTCT, trần thạch cao, nền lát đá, tường sơn nước, có hệ thống điện nước, hệ vệ sinh hoàn chỉnh</p> <p>DTXD: 11,07m x 4,32m = 47,8 m².</p> <p>DTGT : + sàn 1: (0,43m x 4,32m)/2 = 0,93m²</p> <p>+ sàn 2,3,4: [0,93m² + (1,2m x 4,32m)] x 3 = 18,34m²</p> <p>* Tổng diện tích sàn: 0,93m² + 18,34m² = 19,27m²</p> <p><i>(Áp giá P11, STT A18, ĐG: 5.441.512đ/m² sàn. Đơn giá điều chỉnh với hệ số 1,14 vì tường sơn nước)</i></p> <p>5.441.512đ/m² sàn x 1,14 = 6.203.324đ/m² sàn</p>	<p>14.490.000</p> <p>152.530.022</p> <p>152.410.022</p> <p>119.538.047</p>							

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tòa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
		- Địa chỉ thửa đất theo giấy tờ: Tổ 1, Tháp Bà, Vĩnh Phước, Nha Trang. - Địa chỉ thửa đất đang sử dụng: 35/5 Ngõ Đền, Vĩnh Phước, Nha Trang Thực tế hai địa chỉ nêu trên là cùng một thửa đất. *Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên: - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02815 được UBND thành phố Nha Trang cấp ngày 08/09/2016. - Sổ hộ khẩu số 330210380 do bà Võ Thị Thanh Lan làm chủ hộ được công an thành phố Nha Trang cấp tháng 9/2016. - Sơ đồ vị trí thửa đất do Công ty TNHH DVĐC Thanh Long thực hiện ngày 21/10/2005 đứng tên bà Võ Thị Thanh Lan. - Trích đo địa chính thửa đất do VPĐK QĐSD TP Nha Trang chứng thực ngày 11/2/2009 của ông Nguyễn Đình Hòa và bà Võ Thị Thanh Lan. - Giấy mua bán đất (giấy viết tay không có chứng thực cấp thẩm quyền) do ông Lê Duy Long và bà Hồ Thị Hồng Duyên sang nhượng cho ông Nguyễn Đình Hòa và bà Võ Thị Thanh Lan ngày 29/1/2004. - Đơn xin xác nhận có nhà ở được UBND phường Vĩnh Phước xác nhận ngày 15/7/2009. - Biên nhận thu tiền nước ngày 21/8/2017 tên ông Nguyễn Đình Hòa. - Biên bản kiểm kê khối lượng giải tòa. - Bản tự kê khai. - Hồ sơ kỹ thuật thửa đất - Biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 22/6/2021 (Thửa đất tiếp giáp đường Ngõ Đền từ 3,5m đến 6,0m tương ứng vị trí 3 Đường Ngõ Đền) - Biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 22/6/2021 - Thửa đất tiếp giáp đường Ngõ Đền (đoạn từ đường 2/4 đến hết chầu Hải An và hết xương đóng tàu Composit) từ 3,5m đến dưới 6,0m tương ứng vị trí 3. - Biên bản họp HĐ ngày 20/7/2022 (STT 10) - Thông báo niêm yết số 172/TB-HDBT ngày 05/8/2022 của Hội đồng BT, HT, TĐC - Biên bản niêm yết ngày 08/8/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 29/8/2022	- Công trụ xây gạch có ốp đá mài, cánh cửa sắt. DT: (2,2m x 2,52m) = 5,54m ² (Áp giá PL1, STT B13, ĐG: 3.155.839đ/m ² , đơn giá tăng 8,5% vì ốp đá mài) 3.155.839đ/m ² + (3.155.839đ/m ² x 8,5%) = 3.380.685đ/m ² - Tường xây gạch cao 1,2m, kết hợp hoa song sắt cao 1,2m dài 1,8m, móng 2 lớp đá chèn (trước nhà). (Áp giá PL1, STT B10, ĐG: 1.700.431đ/md) - Trụ xây gạch cao (2,54m x 0,35m x 0,35m) = 0,311m ³ có ốp đá mài. (Áp giá PL1, STT B32, ĐG: 7.926.877đ/m ³ , tăng 8,5% vì ốp đá mài) 7.926.877đ/m ³ + (7.926.877đ/m ³ x 8,5%) = 8.600.662đ/m ³ - Tường xây gạch cao có ốp đá trang trí cao 1,5m kết hợp hoa song sắt cao 1,2m dài 2,76m (Áp giá PL1, STT B10, ĐG: 1.700.431đ/md, đơn giá tăng 8,5% vì có trang trí ốp đá) 1.700.431đ/md + (1.700.431đ/md x 8,5%) = 1.844.968đ/md - Nền lót gạch men DT: (4,1m x 2,47m) = 10,13m ² (Áp giá PL1, STT B40, ĐG: 327.371đ/m ²)	m ²	5,54	3.380.685		100%	18.728.997			
				md	1,80	1.700.431		100%	3.060.776			
				m ³	0,311	8.600.662		100%	2.674.806			
				md	2,76	1.844.968		100%	5.092.111			
				m ²	10,13	327.371		100%	3.315.286			
										0		
			2 - Tài sản khác: Áp dụng QĐ số 14/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa;									
			- Công tơ điện: 1 trường hợp	TH	1	Không bồi thường vì giải tòa một phần không di chuyển chỗ ở						
			- Đồng hồ nước: 1 trường hợp	TH	1							
			3- Cây trồng:							120.000		
			Áp dụng QĐ số 2179/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;									
			- Huỳnh đệ: 01A (áp giá Hoàng anh)	cây	1	120.000	100%		120.000			
			III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản: Không bồi thường theo Điều 14 QĐ 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;							0		
			IV/ Chính sách hỗ trợ:							120.000		
			1- Hỗ trợ ổn định đời sống:			Không hỗ trợ theo quy định tại Điều 1, 2, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa						
			2- Hỗ trợ tiền thuê nhà:									
			3- Hỗ trợ di chuyển:									

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		- Biên bản họp đối thoại ngày 29/08/2022	4 - Hỗ trợ kinh phí chỉnh lý biến động đo thu hồi đất một phần (chi trả cho cơ quan thực hiện chỉnh lý biến động về đất đai):						120.000		
			<i>Áp dụng Điểm 4, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa</i>								
			<i>(Mức thu phí, lệ phí theo văn bản số 4216/CNNT ngày 07/4/2020 của VPĐKĐĐ Khánh Hòa chi nhánh Nha Trang. Mục 5a - Khu vực các phường, đơn giá: 120.000đ/hs)</i>	hồ sơ	1	120.000		100%	120.000		
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (I + II + III + IV)						167.140.022		
			V/ Phần khen thưởng						11.000.000		
			<i>Căn cứ Khoản 1, Điều 35, Quyết định 10/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa:</i>								
			- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định.	hộ	1	8.000.000			8.000.000		
			- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng đồng viên ba (03) triệu đồng/hộ	hộ	1	3.000.000			3.000.000		
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng (I + II + III + IV + V)							178.140.022	
			VI. Tái định cư								
			<i>Hộ gia đình không đủ điều kiện bố trí đất tái định cư theo quy định.</i>								

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tòa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
		<ul style="list-style-type: none"> - Những thay đổi về loại đất: Không. - Tình trạng nhà đất: Hộ gia đình ăn ở sinh hoạt ổn định trên thửa đất giải tòa. * Tình hình tranh chấp đối với thửa đất: Hiện nay, không có đơn thư tranh chấp, khiếu nại. * Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng. - Diện tích đất theo giấy tờ: 85,1m²; - Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 88,1m²; - Diện tích đất chênh lệch tăng: 3,0m²; - Nguồn gốc chênh lệch tăng: do lấn chiếm đường. * Trường hợp địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ: - Địa chỉ thửa đất theo giấy tờ: Tô 8, Tháp Bà, Vĩnh Phước, Nha Trang. - Địa chỉ thửa đất đang sử dụng: 27/8 Ngô Đền, Vĩnh Phước, Nha Trang Thực tế hai địa chỉ nêu trên là cùng một thửa đất. * Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên: - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03225 được UBND thành phố Nha Trang cấp ngày 31/10/2017 - Trích đo địa chính thửa đất được chi nhánh văn phòng ĐKDD Khánh Hòa - chi nhánh nha trang xác nhận ngày 5/7/2017. - Sổ hộ khẩu số 330184781 do ông Võ Quang Bảo làm chủ hộ được Công an thành phố Nha Trang cấp ngày 30/9/2016. - Đơn xin xác nhận mất giấy tờ của bà Lê Thị Quý ngày 2/12/1980. - Giấy báo tiền nước 26/3/2017 tên bà Lê Thị Quý. - Biên bản kiểm kê khối lượng giải tòa. - Bản tự kê khai. - Hồ sơ kỹ thuật thửa đất - Biên bản họp Hội đồng ngày 28/7/2022 (STT 13) - Thông báo niêm yết số 172/TB-HĐBT ngày 05/8/2022 của Hội đồng BT, HT, TĐC - Biên bản niêm yết ngày 08/8/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 29/8/2022 - Biên bản họp đối thoại ngày 29/08/2022 	<p>IV/ Chính sách hỗ trợ:</p> <p>1- Hỗ trợ ổn định đời sống:</p> <p>2- Hỗ trợ tiền thuê nhà:</p> <p>3- Hỗ trợ di chuyển:</p> <p>* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (I+II+III+IV)</p> <p>V/ Phần khen thưởng</p> <p><i>Căn cứ Khoản 1, Điều 35, Quyết định 10/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa:</i></p> <p>- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định.</p> <p>- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng đồng viên ba (03) triệu đồng/hộ</p> <p>* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và khen thưởng : (I+II+III+IV+V)</p> <p>VI. Tái định cư</p> <p><i>Hộ gia đình không đủ điều kiện bố trí đất tái định cư theo quy định.</i></p>							0		
										10.089.902		
										4.008.990		
				hộ	1	1.008.990				1.008.990		
				hộ	1	3.000.000				3.000.000		
										14.098.893		

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tòa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
07	Ông Nguyễn Đình Long Bà Nguyễn Thị Hà - Địa chỉ thường trú: Tổ 4 Tháp Bà, P. Vĩnh Phước, Tp Nha Trang. - Địa chỉ thửa đất giải tòa: 37 Ngõ Đền, P. Vĩnh Phước, Tp Nha Trang.	** Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 05 /XN-UBND ngày 03/5/2019 của UBND phường Vĩnh Phước xác nhận: - Địa chỉ thửa đất giải tòa: Thửa số 22 – Mảnh trích đo địa chính số 48-2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 22/4/2021, tương ứng thửa số 20 Bà bán đồ địa chính số 26, phường Vĩnh Phước * Nguồn gốc: Đất của Ông Nguyễn Đình Long và bà Nguyễn Thị Hà đã được UBND thành phố Nha Trang cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01625/22333 ngày 28/2/2014 với diện tích 62,4m ² (diện tích QHGT được công nhận QSD đất là 56,8m ²). Loại đất: Đất ở tại đô thị. - Thời điểm sử dụng đất: Theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01625/22333 ngày 28/2/2014 - Thời điểm xây dựng nhà: Tháng 11/1997 (theo số hộ khẩu số 32375 ngày 1/11/1997) - Tổng diện tích đất đang sử dụng: 62,9m ² - Loại đất: Đất ở tại đô thị. - Khuôn viên, ranh giới thửa đất: Đông giáp đường đi - Bắc giáp nhà dân Tây giáp thửa 21 - Nam giáp đường đi *Quá trình sử dụng đất: - Những thay đổi về diện tích đất, khuôn viên, ranh giới thửa đất: Có. - Những thay đổi về loại đất: Không. - Tình trạng nhà đất: Hộ gia đình ăn ở sinh hoạt ổn định trên thửa đất giải tòa. *Tình hình tranh chấp đối với thửa đất: Tại thời điểm xác nhận nguồn gốc quá trình sử dụng đất, không có đơn thư tranh chấp, khiếu nại. * Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng. - Diện tích đất theo giấy tờ: 62,4m ² ; - Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 62,9m ² ; - Diện tích đất chênh lệch tăng: 0,5m ² ; - Nguồn gốc tăng do: sai số đo đạc * Trường hợp địa chỉ thửa đất thực tế đang sử	I/ Về đất: - Tổng diện tích (Thửa 22): m ² 62,90 + DT đất giải tòa: m ² 4,00 + DT đất còn lại: m ² 58,90 ** Căn cứ pháp lý áp dụng: + Khoản 1, Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; + QĐ số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; - Diện tích đất được bồi thường: m ² 4,00 + Bồi thường đất ở: m ² 4,00 10.080.000 100% 40.320.000 <i>(Áp giá các thửa đất tiếp giáp đường Ngõ Đền (đoạn từ đường 2/4 đến hết chầu Hải Ấn và hết xướng đóng tàu Composit) - vị trí 1. Đơn giá: 9.600.000đ/m², nhân thêm hệ số 1,05 vì tiếp giáp 1 mặt đường và 1 mặt hẻm) 9.600.000đ/m² x 1,05 = 10.080.000đ/m²</i> II/ Tài sản gắn liền với đất: I- Công trình, vật kiến trúc: + Ngày khóa số: (TB thu hồi đất: 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Tp Nha Trang); ** Bồi thường, hỗ trợ theo: + Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; + Tiểu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/TTg-QHQT ngày 22/6/2016; + Mục 1.4, khoản I, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư. + Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa; - Nhà một tầng, tường gạch 100-200, nền gạch men, cửa gỗ + sắt, mái ngói, tường sơn nước, mặt tiền có sảnh sử dụng kết cấu BTCT, hệ vệ sinh hoàn chỉnh, có hệ thống điện nước. DTXD: 47,20m ² ; DTGT: 0,5m ² ; DTCL: 46,70m ² Áp giá PL1, STT A7, ĐG: 4.429.013đ/m ² XD. Đơn giá điều chỉnh với hệ số 1,14 vì tường sơn nước. 4.429.013đ/m ² XD x 1,14 = 5.049.075đ/m ² - Công trụ gạch, cánh thép tấm + thép hình DT: (2,17m x 2,5m) = 5,43m ²						40.320.000			
				m ²								
				m ²								
				m ²								
				m ²	4,00	10.080.000	100%		40.320.000			
										27.409.380		
										27.409.380		
				m ² XD	0,50	5.049.075		100%	2.524.537			
				m ²	5,43	3.155.839		100%	17.136.206			

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tòa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
		<p>dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ:</p> <p>- Địa chỉ thửa đất theo giấy tờ: Tổ 8, Tháp Bà, Vĩnh Phước, Nha Trang.</p> <p>- Địa chỉ thửa đất đang sử dụng: 37 Ngô Đền, Vĩnh Phước, Nha Trang</p> <p>Thực tế hai địa chỉ nêu trên là cùng một thửa đất.</p> <p>* Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên:</p> <p>- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01625/22333 tên Ông Nguyễn Đình Long và bà Nguyễn Thị Hà đã được Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang cấp ngày 28/2/2014. Diện tích: 62,4m², loại đất: ODT.</p> <p>- Sổ hộ khẩu số 32375 do ông Nguyễn Đình Long làm chủ hộ được CA thành phố Nha Trang cấp ngày 1/11/1997 (10 nhân khẩu).</p> <p>- Giấy biên nhận tiền nước ngày 23/7/2017 tên ông Nguyễn Đình Long.</p> <p>- Biên nhận thanh toán tiền điện ngày 12/9/2017 tên ông Nguyễn Đình Long.</p> <p>- Biên bản kiểm kê khối lượng giải tòa.</p> <p>- Bản tự kê khai.</p> <p>- Hồ sơ kỹ thuật thửa đất</p> <p>- Biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 22/6/2021 - Thửa đất tiếp giáp đường Ngô Đền (đoạn từ đường 2/4 đến hết chùa Hải An và hết xưởng đóng tàu Composit) từ 7,1m đến dưới 9,0m tương ứng vị trí 1.</p> <p>- Biên bản họp HĐ ngày 20/7/2022 (STT 08)</p> <p>- Thông báo niêm yết số 172/TB-HĐBT ngày 05/8/2022 của Hội đồng BT, HT, TDC</p> <p>- Biên bản niêm yết ngày 08/8/2022</p> <p>- Biên bản kết thúc niêm yết ngày 29/8/2022</p> <p>- Biên bản họp đối thoại ngày 29/08/2022</p>	<p>(Áp giá PL1, STT B13, ĐG: 3.155.839đ/m²)</p> <p>- Tường xây gạch, cao 0,85m, trụ gạch, kết hợp lưới B40 cao 1,5m dài 3,7m, móng 4 lớp đá chẻ.</p> <p>+ Tường xây gạch, cao 0,85m, trụ gạch, kết hợp lưới B40 cao 1,5m dài 3,7m, móng 2 lớp đá chẻ.</p> <p>(Áp giá PL1, STT B10, ĐG: 1.700.431đ/md, đơn giá giảm 8,5% vì tường gạch cao 0,85m)</p> <p>1.700.431đ/md - (1.700.431đ/md x 8,5%) = 1.555.894 đ/md</p> <p>+ Móng 2 lớp đá chẻ (0,4m x 0,2m x 3,7m) = 0,296m³</p> <p>(Áp giá PL1, STT B30, ĐG: 2.210.809đ/m³)</p> <p>- Mái che trụ gạch kèo gỗ tiêu chuẩn, mái lợp tole, nền xi măng, không vách.</p> <p>DTXD: 7,0m²; DTGT: 2,2m²</p> <p>(Áp giá PL1, STT B3, ĐG: 607.922đ/m²)</p> <p>2 - Tài sản khác:</p> <p>Không có</p> <p>3- Cây trồng:</p> <p>Không có</p> <p>III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản: Không bồi thường theo Điều 14 QĐ 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p> <p>IV/ Chính sách hỗ trợ:</p> <p>1- Hỗ trợ ổn định đời sống:</p> <p>2- Hỗ trợ tiền thuê nhà:</p> <p>3- Hỗ trợ di chuyển:</p> <p>4 - Hỗ trợ kinh phí chính lý biến động do thu hồi đất một phần (chi trả cho cơ quan thực hiện chính lý biến động về đất đai):</p> <p>Áp dụng Điểm 4, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa</p> <p>(Mức thu phí, lệ phí theo văn bản số 4216/CNNT ngày 07/4/2020 của VPEKĐĐ Khánh Hòa chi nhánh Nha Trang. Mục 5a - Khu vực các phường, đơn giá: 120.000đ/hs)</p> <p>* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (I + II + III + IV)</p> <p>V/ Phần khen thưởng</p>		3,70	1.555.894		100%	5.756.809			
				m ³	0,296	2.210.809		100%	654.399			
				m ²	2,20	607.922		100%	1.337.428			
									0			
									0			
									0			
									120.000			
						Không hỗ trợ theo quy định tại Điểm 1, 2, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa						
									120.000			
				hồ sơ	1	120.000		100%	120.000			
									67.849.380			
									9.784.938			

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			<i>Căn cứ Khoản 1, Điều 35, Quyết định 10/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa:</i>								
			- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chi chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định.	hộ	1	6.784.938			6.784.938		
			- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng động viên ba (03) triệu đồng/hộ	hộ	1	3.000.000			3.000.000		
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng (I+II+III+IV+V):							77.634.318	
			VI. Tái định cư								
			<i>Hộ gia đình không đủ điều kiện bố trí đất tái định cư theo quy định.</i>								

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
08	<p>Ông Võ Lương Bà Nguyễn Thị Quý</p> <p>- Địa chỉ thường trú: Tổ 5 Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, Tp. Nha Trang</p> <p>- Địa chỉ thửa đất giải tỏa: 6 Ngô Đền, phường Vĩnh Phước, Tp. Nha Trang</p>	<p>** Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 21/XN-UBND ngày 03/5/2019 và xác nhận số 267/XN-UBND ngày 26/5/2021 của UBND phường Vĩnh Phước xác nhận: Thửa số 30 – Mảnh trích đo địa chính số 48-2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 22/4/2021, tương ứng thửa số 309 Tờ bản đồ địa chính số 23, phường Vĩnh Phước</p> <p>* Nguồn gốc đất: Đất được UBND thành phố Nha Trang cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01856/22333 ngày 30/6/2014 cho Ông Võ Lương và bà Nguyễn Thị Quý với diện tích 73,0m². Loại đất: ODT</p> <p>- Thời điểm sử dụng đất: Theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01856/22333 ngày 30/6/2014</p> <p>- Thời điểm xây dựng nhà: Năm 1999 (theo sổ hộ khẩu số 34159 cấp ngày 27/7/1999)</p> <p>- Tổng diện tích đất đang sử dụng: 73,1m²</p> <p>- Loại đất: Đất ở đô thị</p> <p>- Khuôn viên, ranh giới thửa đất: Đông giáp thửa 31; Tây giáp thửa 29 Nam giáp đường đi; Bắc giáp nhà dân</p> <p>* Quá trình sử dụng đất: - Những thay đổi về diện tích đất, khuôn viên, ranh giới thửa đất: Có. - Những thay đổi về loại đất: Không.</p> <p>* Tình trạng nhà đất: Hộ gia đình ăn ở sinh hoạt ổn định trên thửa đất giải tỏa.</p> <p>* Tình hình tranh chấp đối với thửa đất: Hiện nay, không có đơn thư tranh chấp, khiếu nại.</p> <p>* Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng. - Diện tích đất theo giấy tờ: 73,0m²; - Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 73,1m²; - Diện tích đất chênh lệch tăng: 0,1m²; - Nguồn gốc tăng do: sai số đo đạc</p> <p>* Trường hợp địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ: - Địa chỉ thửa đất theo giấy tờ: Tổ 9, Tháp Bà, Vĩnh Phước, Nha Trang. - Địa chỉ thửa đất đang sử dụng: 06 Ngô Đền, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang</p> <p>Thực tế hai địa chỉ nêu trên là cùng một thửa đất.</p>	<p>I/ Về đất:</p> <p>- Tổng diện tích (Thửa 30): m² 73,10</p> <p>+ DT đất giải tỏa: m² 28,70</p> <p>+ DT đất còn lại: m² 44,40</p> <p>** Căn cứ pháp lý áp dụng: + Khoản 1, Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; + QĐ số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p> <p>- Diện tích đất được bồi thường: m² 28,70</p> <p>+ Bồi thường đất ở: m² 28,70 9.600.000 100% 275.520.000</p> <p><i>(Áp giá các thửa đất tiếp giáp đường Ngô Đền (đoạn từ đường 2/4 đến hết chùa Hai Ân và hết tường đồng tàu Composit) - vị trí 1. Đơn giá: 9.600.000đ/m²)</i></p> <p>II/ Tài sản gắn liền với đất:</p> <p>I- Công trình, vật kiến trúc:</p> <p>+ Ngày khóa số: (TB thu hồi đất: 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Tp Nha Trang);</p> <p>** Bồi thường, hỗ trợ theo: + Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; + Tiêu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/TTg-QHQT ngày 22/6/2016; + Mục 1.4, khoản I, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư. + Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa: - Nhà 1 tầng, tường xây gạch 100, bô trụ, nền xi măng, trần nhựa, cửa gỗ sắt, mái ngói, tường sơn nước, có hệ thống điện nước, hệ vệ sinh hoàn chỉnh. Nhà có gác lửng gỗ (DT = 8,0m x 2,25m). DTXD: 61,0m²; DTGT: 24,1m²</p> <p>Áp giá PL1, STT A5, ĐG: 3.883.495đ/m² XD. Đơn giá điều chỉnh với hệ số 1,14 vì tường sơn nước. 3.883.495đ/m² XD x 1,14 = 4.427.184đ/m²XD</p> <p>+ Gác lửng gỗ. DT = (8,0m x 2,25m) = 18,0m² m² 18,00 812.212 100% 14.619.810</p> <p>Áp giá PL5, STT 6, đơn giá 887.663đ/m². Giảm 8,5% vì không có hệ trụ đỡ 887.663đ/m² - (887.663đ/m² x 8,5%) = 812.212đ/m²</p> <p>- Công trụ gạch cánh thép tấm + thép hình m² 3,78 3.155.839 100% 11.929.071</p> <p>DT: (2,1m x 1,8m) = 3,78m²</p>									

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KỶ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
		<p>*Các loại giấy tờ, tài liệu liên quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01856/22333 tên ông Võ Lương và bà Nguyễn Thị Quý được Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang cấp ngày 30/6/2014. Diện tích: 73m², loại đất: ODT. - Sổ hộ khẩu số 34159 ông Võ Lương chủ hộ. Gồm 3 nhân khẩu. Thường trú Tổ 5, Tháp Bà, Vĩnh Phước, Nha Trang. - Sổ hộ khẩu số 330050765 ông Võ Tấn Phước chủ hộ. Gồm 4 nhân khẩu. Thường trú Tổ 5, Tháp Bà, Vĩnh Phước, Nha Trang. - Giấy biên nhận tiền nước ngày 27/7/2017 tên ông Võ Lương. - Biên nhận thanh toán tiền điện ngày 9/5/2017 tên ông Võ Lương. - Biên nhận thanh toán FPT Telecom ngày 1/6/2017 tên bà Nguyễn Thị Quý. - Phiếu thu tiền VTV Cab ngày 3/8/2017 tên ông Võ Lương. - Biên bản kiểm kê khối lượng giải tỏa. - Bản bổ sung biên bản kiểm kê khối lượng giải tỏa. - Hồ sơ kỹ thuật thửa đất. - Bản tự kê khai. - Biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 22/6/2021 - Thửa đất tiếp giáp đường Ngô Đền (đoạn từ đường 2/4 đến hết chùa Hải Ân và hết tường đóng tàu Composit) từ 7,1m đến dưới 9,0m tương ứng vị trí 1. - Biên bản họp HĐ ngày 20/7/2022 (STT 06) - Thông báo niêm yết số 172/TB-HĐBT ngày 05/8/2022 của Hội đồng BT, HT, TĐC - Biên bản niêm yết ngày 08/8/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 29/8/2022 - Biên bản họp đối thoại ngày 29/08/2022 	(Áp giá PLI, STT B13, ĐG: 3.155.839đ/m ²)									
			<ul style="list-style-type: none"> - Tường rào xây gạch cao 0,8m, kết hợp lưới B40 cao 1,8m, dài 2,9m, móng 3 lớp đá chẻ + Tường rào xây gạch cao 0,8m, kết hợp lưới B40 cao 1,8m, dài 2,9m, móng 2 lớp đá chẻ 	md	2,90	1.555.894		100%	4.512.094			
				(Áp giá PLI, STT B10, ĐG: 1.700.431đ/md, đơn giá giảm 8,5% vì tường gạch cao 0,8m) 1.700.431đ/md - (1.700.431đ/md x 8,5%) = 1.555.894 đ/md								
				+ Móng 1 lớp đá chẻ: 0,2m x 0,2m x 2,9m = 0,116m ³	m ³	0,116	2.210.809		100%	256.454		
				(Áp giá PLI, STT B30, ĐG: 2.210.809đ/m ³)								
				- Tường rào xây gạch cao 1,2m kết hợp dây thép gai cao 0,4m, dài 1,26m, móng 2 lớp đá chẻ	md	1,26	1.555.894		100%	1.960.427		
				(Áp giá PLI, STT B10, ĐG: 1.700.431đ/md, giảm 8,5% vì tường gạch cao 1,2m và thép gai cao 0,4m) 1.700.431đ/md - (1.700.431đ/md x 8,5%) = 1.555.894 đ/md								
				- Khung lưới B40 (trên cổng trụ gạch). DT: 1,0m x 2,1m	md	2,10	422.705		100%	887.681		
				Áp giá PLI, STT B11, ĐG: 422.705đ/md								
				- Tường xây gạch cao 0,6m; dài 3,2m; móng 3 lớp đá chẻ								
				+ Tường rào xây gạch cao 0,6m, dài 3,2m, móng 2 lớp đá chẻ	md	3,20	732.341		100%	2.343.492		
				(Áp giá PLI, STT B9, ĐG: 861.578đ/md, giảm 15% vì tường gạch cao 0,6m) 861.578đ/md - (861.578đ/md x 15%) = 732.341đ/md								
				+ Móng 1 lớp đá chẻ: (0,2m x 0,2m x 3,2m) = 0,128m ³	m ³	0,128	2.210.809		100%	282.984		
				(Áp giá PLI, STT B30, ĐG: 2.210.809đ/m ³)								
				- Sân xi măng có bê tông lót. DTXD = DTGT = 3,7m ²	m ²	3,70	168.630		100%	623.931		
				(Áp giá PLI, STT B17, ĐG: 168.630đ/m ²)								
				2 - Tài sản khác:							0	
				- Đồng hồ điện: 01 TH	TH	1						
				- Đồng hồ nước: 01 TH	TH	1						
				- Internet: 01 TH	TH	1						
			- Truyền hình cáp: 01 TH	TH	1							
			3 - Cây trồng:							0		
			Không có									
			III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản: Không bồi thường theo Điều 14 QĐ 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;							0		
			IV/ Chính sách hỗ trợ:							120.000		

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			1- Hỗ trợ ổn định đời sống: 2- Hỗ trợ tiền thuê nhà: 3- Hỗ trợ di chuyển: 4 - Hỗ trợ kinh phí chính lý biến động do thu hồi đất một phần (chi trả cho cơ quan thực hiện chính lý biến động về đất đai): <i>Áp dụng Điểm 4, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa</i> <i>(Mức thu phí, lệ phí theo văn bản số 4216/CNNT ngày 07/4/2020 của VPEKĐĐ Khánh Hòa chi nhánh Nha Trang. Mục 5a - Khu vực các phường, đơn giá: 120.000đ/hs)</i>								
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (I + II + III + IV) V/ Phần khen thưởng <i>Căn cứ Khoản 1, Điều 35, Quyết định 10/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa:</i> - Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định. - Trường hợp theo yêu cầu phải bán giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng đồng viên ba (03) triệu đồng/hộ	hồ sơ	1	120.000		100%	120.000		
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng (I+II+III+IV+V):						419.751.084		
			VI. Tái định cư Hộ gia đình không đủ điều kiện bố trí đất tái định cư theo quy định						11.000.000		
									8.000.000		
									3.000.000		
									430.751.084		

BẢNG TỔNG HỢP
DỰ ÁN: MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG CÁC THÀNH PHỐ DUYN HẢI - TIÊU DỰ ÁN NHA TRANG
 Hạng mục: Xây dựng Đường Chữ Đồng Tử

STT	Đối tượng thu hồi đất	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ giải tỏa	THỬA	TỜ BDTĐ	Tổng DT	DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI (m ²)				SỐ TIỀN BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (đồng)					Khen thưởng
							Tổng DT thu hồi	Đất ở	Đất nông nghiệp	Đất khác	Tổng số tiền BT, HT	BT, HT về đất	BT, HT về tài sản	BT, HT về cây trồng	Hỗ trợ khác	
1	Ông Trần Trích Bà Lê Thị Thuỳên	67 Glasop st, Yagoona, NSW 2199	35/6 Ngô Đền, P. Vinh Phước, Tp Nha Trang.	83 84	48-2021	1.015.40	96,90			96,90	115.917.670	41.860.800	64.876.870	9.180.000	0	11.000.000
2	Bà Võ Thị Đông	Tổ 1 Tháp Bà, P. Vinh Phước, Tp. Nha Trang	01 Ngô Đền, P. Vinh Phước Tp. Nha Trang	69	48-2021	92.20	21,10	0,10		21,00	55.248.954	47.886.000	7.122.954	0	240.000	8.524.895
3	Ông Lê Trúc Ân	Tổ 1 Tháp Bà, phường Vinh Phước, Tp. Nha Trang	01 Ngô Đền, phường Vinh Phước, Tp Nha Trang	70	48-2021	137,60	31,30			31,30	216.466.616	148.737.600	67.489.016	0	240.000	11.000.000
4	Ông Võ Tấn Phi Long Bà Võ Thị Thúy Vân (Đồng quyền sở hữu)	35/9 Ngô Đền Tổ 8 Tháp Bà, P. Vinh Phước, Tp Nha Trang	35/9 Ngô Đền Tổ 8 Tháp Bà, P. Vinh Phước, Tp Nha Trang	46	48-2021	56,00	9,20			9,20	56.469.600	10.432.800	45.796.800	0	240.000	8.646.960
5	Ông Nguyễn Đình Long Bà Nguyễn Thị Hà	Tổ 4 Tháp Bà, P. Vinh Phước, Tp Nha Trang.	37 Ngô Đền, P. Vinh Phước, Tp Nha Trang.	22	48-2021	62,90	4,00	4,00			67.849.380	40.320.000	27.409.380	0	120.000	9.784.938
6	Ông Võ Quang Báo Bà Trần Tịnh Nghi	Thôn Xuân Lạc 2, xã Vinh Ngọc, Nha Trang	27 Ngô Đền, phường Vinh Phước, thành phố Nha Trang	55	48-2021	88,10	2,70			2,70	10.089.902	0	10.089.902	0	0	4.008.990
7	Ông Nguyễn Đình Hòa Bà Võ Thị Thanh Lam	Tổ 1 Tháp Bà, P. Vinh Phước, Tp Nha Trang.	35/5 Ngô Đền, phường Vinh Phước, thành phố Nha Trang	48	48-2021	61,70	11,50	11,50			167.140.022	14.490.000	152.410.022	120.000	120.000	11.000.000

STT	Đối tượng thu hồi đất	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ giải tỏa	THỬA	TỜ BDTĐ	Tổng DT	DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI (m ²)				SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (đồng)					Khen thưởng
							Tổng DT thu hồi	Đất ở	Đất nông nghiệp	Đất khác	Tổng số tiền BT, HT	BT, HT về đất	BT, HT về tài sản	BT, HT về cây trồng	Hỗ trợ khác	
8	Ông Võ Lương Bà Nguyễn Thị Quý	Tổ 5 Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, Tp. Nha Trang	6 Ngõ Đền, phường Vĩnh Phước, Tp. Nha Trang	30	48-2021	73,10	28,70	28,70			419.751.084	275.520.000	144.111.084	0	120.000	11.000.000
	Tổng			09		1.587,00	205,40	44,30	0,00	161,10	1.108.933.229	579.247.200	519.306.029	9.300.000	1.080.000	74.965.784

Kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 1.108.933.229
 Kinh phí tổ chức thực hiện (2%): 22.178.665
 Kinh phí khen thưởng: 74.965.784
 Tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ: 1.206.078.000
 (Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm lẻ sáu triệu, không trăm bảy mươi tám nghìn đồng)

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 9 năm 2022


Người lập


Người soát


Phụ trách phòng

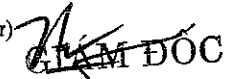

Ban QLDA Phát Triển KH

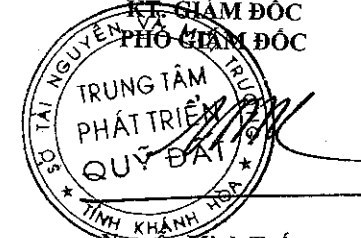
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KH


 Phạm Thị Kiều Mỹ


 Lê Thị Thu Nguyệt


 Hồ Văn Hùng

(Chủ Đầu tư) 

 Hồ Văn Hùng

KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC

 Nguyễn Minh Tuấn

